

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng
trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân số 63/2014/QH13 ngày 24/11/2014;

Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-VKSTC ngày 26/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc ban hành "Quy định quy mô đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Viện kiểm sát nhân dân các cấp";

Căn cứ Quyết định số 60/QĐ-VKSTC ngày 15/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc phân cấp phê duyệt các dự án đầu tư xây dựng công trình và các dự án Công nghệ thông tin trong ngành Kiểm sát nhân dân;

Căn cứ Quyết định số 73/QĐ-VKSTC ngày 15/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc ban hành "tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của trụ sở làm việc trong ngành Kiểm sát nhân dân";

Căn cứ Quyết định số 135/QĐ-VKSTC ngày 16/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về chủ trương đầu tư dự án xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm tra dự án số 10/Bc-Ttra ngày 21/11/2024 của Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại và Dịch Vụ Bình Tân;

Căn cứ Văn bản số 2290/SXD-VP ngày 28/11/2024 của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Nam về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu

tư xây dựng dự án xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam;

Theo đề nghị của Chủ đầu tư (Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam) tại Tờ trình số 353/TTr-VKS ngày 31/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Giang.

2. Người quyết định đầu tư: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam.

3. Chủ đầu tư: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:

4.1. Mục tiêu: xây dựng mới trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Giang để đảm bảo đáp ứng yêu cầu về diện tích làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức theo quy định hiện hành về định mức tiêu chuẩn diện tích trụ sở cơ quan.

4.2. Quy mô đầu tư xây dựng: xây mới hạng mục nhà làm việc 03 tầng; nhà lưu trú công vụ 01 tầng; nhà bảo vệ, tiếp dân 01 tầng; nhà xe 02 bánh, gara ô tô 01 tầng; nhà để máy phát điện 01 tầng; công, hàng rào; sân đường, cột cờ; chống mối; hệ thống thông tin liên lạc; phòng cháy và chữa cháy; điện nước ngoài nhà; san nền cây xanh theo tiêu chuẩn quy định cụ thể như sau:

4.2.1. Nhà làm việc (S1)

Nhà làm việc: Nhà 03 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng 905m², tổng diện tích sàn sử dụng 754m², chiều cao công trình 14,65m so với cao trình nền sân (Tầng 1: Diện tích sàn xây dựng 323m², chiều cao 3,9m; Tầng 2: Diện tích sàn xây dựng 291m², chiều cao 3,6m; Tầng 3: Diện tích sàn xây dựng 291m², chiều cao 3,6m). Kết cấu móng cọc BTCT đá 1x2 M300. Kết cấu cột, dầm, sàn, cầu thang BTCT đá 1x2 M250. Mái lợp mái tôn sóng mạ màu dày 0,45mm, xà gồ thép mạ kẽm, tường thu hồi xây gạch, gắn li tô thép hộp lợp ngói 10viên/m². Bậc cấp, cầu thang, sảnh xây gạch hoàn thiện lát đá granite. Nền sàn lát gạch Granite600x600. Nền nhà vệ sinh lát gạch Granite 300x300 chống trượt, tường phòng vệ sinh ốp gạch. Tất cả đóng trần thạch cao khung chìm. Tường xây gạch không nung, matic lăn sơn hoàn thiện. Cửa đi, cửa sổ nhôm xingfa – kính cường lực. Hệ thống mạng thông tin liên lạc, PCCC, cấp điện, cấp thoát nước, chống sét, chốngmối.

4.2.2. Nhà lưu trú công vụ (S2)

Nhà 01 tầng và trên ốp mái, diện tích xây dựng 135m² (diện tích sử dụng 125m²), chiều cao công trình 5,65m so với cao trình nền. Kết cấu móng đơn BTCT đá 1x2 M200. Kết cấu cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2M200. Mái trên lợp mái tôn sóng mạ màu dày 0,45mm, xà gồ thép mạ kẽm, tườngthu hồi xây gạch. Nền sàn lát gạch Granite 600x600. Nền nhà vệ sinh lát gạch Granite 300x300 chống trượt, tường

phòng vệ sinh ốp gạch. Tường xây gạch không nung, matic lăn sơn hoàn thiện. Cửa đi, cửa sổ nhôm xingfa – kính cường lực. Hệ thống mạng thông tin liên lạc, PCCC, cấp điện, cấp thoát nước, chống sét, chống mối.

4.2.3. Nhà bảo vệ + tiếp dân (S3)

Nhà 01 tầng và trên ốp mái, diện tích xây dựng 74m^2 (diện tích sử dụng 67m^2), chiều cao công trình $5,65\text{m}$ so với cao trình nền sân. Kết cấu móng đơn BTCT đá 1×2 M200. Kết cấu cột, dầm, sàn BTCT đá 1×2 M200. Mái trên lợp mái tôn sóng mạ màu dày $0,45\text{mm}$, xà gồ thép mạ kẽm, tường thu hồi xây gạch. Nền sàn lát gạch Granite 600×600 . Nền nhà vệ sinh lát gạch Granite 300×300 chống trượt, tường phòng vệ sinh ốp gạch. Tường xây gạch không nung, matic lăn sơn hoàn thiện. Cửa đi, cửa sổ nhôm xingfa – kính cường lực. Hệ thống mạng thông tin liên lạc, PCCC, cấp điện, cấp thoát nước, chống sét.

4.2.4. Gara ô tô, nhà xe 2 bánh (S4)

Diện tích xây dựng 76m^2 (diện tích sử dụng 70m^2), chiều cao công trình $5,35\text{m}$ so với cao trình nền sân. Kết cấu móng đơn BTCT đá 1×2 M200. Kết cấu cột, dầm, sàn BTCT đá 1×2 M200. Mái trên lợp mái tôn sóng mạ màu dày $0,45\text{mm}$, xà gồ thép mạ kẽm, hệ kèo thép. Nền BT đá 1×2 mác 250. Tường xây gạch không nung, matic lăn sơn hoàn thiện. Hệ thống PCCC, cấp điện, thoát nước, chống sét.

4.2.5. Nhà để máy phát điện, máy bơm (S5)

Diện tích xây dựng 13m^2 (diện tích sử dụng 10m^2), chiều cao công trình $3,3\text{m}$ so với cao trình nền sân. Kết cấu móng đơn BTCT đá 1×2 M200. Kết cấu cột, dầm đá BTCT đá 1×2 M200. Mái trên lợp mái tôn sóng mạ màu dày $0,45\text{mm}$, xà gồ thép mạ kẽm, hệ kèo thép. Nền BT đá 1×2 mác 250. Tường xây gạch không nung, lăn sơn hoàn thiện. Hệ cửa sắt. Hệ thống PCCC, cấp điện, thoát nước, chống sét.

4.2.6. Cổng chính, biển hiệu cơ quan: Cổng chính rộng $6,5\text{m}$ cao $3,0\text{m}$ (cửa xếp kéo bằng khung inox 304). Trụ BTCT ốp xây gạch, chân trụ ốp đá; Bảng hiệu tường xây gạch ốp đá Granite tự nhiên, chữ inox.

4.2.7. Tường rào: Tổng chiều dài 186m . Tường rào kín xây gạch chiều dài khoảng 101m ; tường rào hở xây gạch kết hợp hoa sắt chiều dài khoảng 85m .

4.2.8. Cột cờ: Khối đế xây gạch đặc, ốp lát đá granite tự nhiên; 02 cột cờ inox 304 cao $8,0\text{m}$. Liên kết cột cờ với đế bằng bulong chờ.

4.2.9. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

- San nền theo quy hoạch, diện tích khu đất cần san nền: 2.515m^2 .

- Kè: Kè chắn đất dài 187m , xây đá hộc vữa XM mác 100 tại các vị trí R1-R2-R3-R4, chiều cao kè trung bình $1,6\text{m}$ tính từ cos nền hiện trạng đến cos hoàn thiện san nền. Bố trí ống thoát nước PVC D50 mỗi ống cách nhau $2,0\text{m}$, tại vị trí ống thoát nước bố trí tầng lọc ngược để bảo vệ đất nền sau lưng kè.

- Hệ thống cấp điện ngoài nhà: Nguồn điện được lấy từ tủ điện hạ thế trạm biến áp của điện lực địa phương.

- Bể nước sinh hoạt kết hợp PCCC: Kích thước: 5,2mx5,02mx3,4m chia làm 03 ngăn. Đáy, thành, nắp bể đổ BTCT đá 1x2 mác 250, dung tích 165m³. Thành bể dày 200mm quét chống thấm theo quy trình quy phạm. Nắp thăm bể rộng KT 600x600 kết hợp bậc thang đai inox.

- Hệ thống cấp thoát nước ngoài nhà.

- Sân đường nội bộ: Sân đường nội bộ được thiết kế chủ yếu với loại sân, đường BTXM dày 15cm.

+ Diện tích đường BTXM đá 1x2 M200 dày 15cm: 868m².

+ Diện tích sân đường lát đá Granite khô nhám 120m².

- Bó vỉa bồn hoa xây gạch đặc VXM M100, tổng chiều dài bó vỉa L=112m.

- Bó vỉa đá Granite đoạn lối vào cổng chính, tổng chiều dài L=14m.

- Hệ thống chống sét: Chống sét bằng phương pháp sử dụng kim thu sét phát tia tiên đạo kết hợp với thu sét thép mạ kẽm D10.

- Cây xanh, thảm cỏ.

- Thiết bị: Thiết bị đồ gỗ, màn rèm; Điều hòa nhiệt độ, quạt thông hơi; Thiết bị thông tin liên lạc; Thiết bị PCCC; Máy phát điện; Máy bơm nước; Hệ thống xử lý nước thải.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và khảo sát xây dựng: Chi nhánh Công ty TNHH MTV tư vấn thiết kế và đầu tư xây dựng – Bộ Quốc Phòng.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:

6.1. Địa điểm xây dựng: thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam.

6.2. Diện tích sử dụng đất: 2.532,64m².

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính: Nhóm C, công trình dân dụng, cấp III.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

8.1. Số bước thiết kế: 02 bước.

8.2. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

a) Phần kiến trúc:

- Bộ Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam (tập 1 ban hành theo Quyết định số 682/BXD - CSXD ngày 14/12/1996; tập 2, 3 ban hành theo Quyết định số 439/BXD - CSXD ngày 25/09/1997);

- QCVN 05:2008. Quy chuẩn xây dựng Việt Nam - Nhà ở và công trình công cộng - An toàn sinh mạng và sức khỏe;

- QCVN 01:2021/BXD. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

- QCVN 03:2022/BXD. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp công trình phục vụ thiết kế xây dựng;

- QCVN 07: 2010/BXD. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;

- TCVN 4319:2012. Nhà và công trình công cộng - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế;
- TCVN 4614:2012. Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng - Ký hiệu quy ước các bộ phận cấu tạo ngôi nhà;
- TCVN 5671:2012. Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng - Hồ sơ thiết kế kiến trúc;
- Các tiêu chuẩn khác của Việt Nam có liên quan.
- b) Phần kết cấu:
 - QCVN 02:2022/BXD. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng;
 - TCVN 2737:2023. Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế;
 - TCVN 10304: 2014 - Móng cọc - Tiêu chuẩn thiết kế;
 - TCVN 9386: 2012 Công trình chịu động đất - Tiêu chuẩn thiết kế;
 - TCVN 5575:2012. Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế;
 - TCVN 5574:2018. Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép;
 - TCVN 5573:2011. Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;
 - TCVN 9362:2012. Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;
 - TCVN 9379:2012. Kết cấu xây dựng và nền. Nguyên tắc cơ bản về tính toán;
 - Các tiêu chuẩn chuyên ngành liên quan.
- c) Phần cơ - điện:
 - QCVN 12:2014/BXD. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống điện của nhà ở và nhà công cộng;
 - QCVN 09:2017/BXD. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả;
 - TCVN 7447-5-54:2015. Hệ thống lắp đặt điện hạ áp;
 - TCVN 9206:2012. Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng – Tiêu chuẩn thiết kế;
 - TCVN 9207:2012. Đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng – Tiêu chuẩn thiết kế;
 - TCVN 9385:2012. Chống sét cho công trình xây dựng - Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống;
 - Tiêu chuẩn IEC 60364 - Lắp đặt điện trong công trình xây dựng;
 - Các tiêu chuẩn khác có liên quan.
- d) Phần cấp thoát nước:
 - TCVN 4513:1988 Cấp nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế;
 - TCVN 4474:1987 Thoát nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế;
 - TCVN 7957:2008 Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCXDVN 33:2006 Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế;
- Các tiêu chuẩn chuyên ngành liên quan khác.
- đ) Hệ thống phòng cháy chữa cháy:
 - QCVN 06:2022/BXD. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình;
 - TCVN 3890:2023. Phương tiện phòng cháy, chữa cháy cho nhà và công trình;
 - TCVN 7336:2021. Phòng cháy, chữa cháy - Hệ thống chữa cháy tự động bằng nước, bọt - yêu cầu thiết kế và lắp đặt;
 - TCVN 5738:2021. Hệ thống báo cháy - Yêu cầu kỹ thuật;
 - TCVN 5760:1993. Hệ thống chữa cháy - Yêu cầu chung về thiết kế, lắp đặt và sử dụng;
 - TCVN 13333-2021. Hệ thống chữa cháy bằng Sol-khí - Yêu cầu về thiết kế, lắp đặt, kiểm tra và bảo dưỡng;
 - TCVN 7161-5:2021. Hệ thống chữa cháy bằng khí - Tính chất vật lý và thiết kế hệ thống - Phần 5: Khí chữa cháy Fk-5-1-12;
 - TCVN 7161-1:2022. Hệ thống chữa cháy bằng khí - Tính chất vật lý và thiết kế hệ thống - Phần 1: Yêu cầu chung;
 - TCVN 13456:2022. Phòng cháy và chữa cháy-Phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn - Yêu cầu thiết kế, lắp đặt;
 - Các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy phạm hiện hành có liên quan.

9. Tổng mức đầu tư; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư:

Tổng mức đầu tư của dự án: **25.000.000.000 đồng.**

Trong đó:

- Chi phí GPMB, hỗ trợ tái định cư:	2.099.716.000 đồng
- Chi phí xây dựng:	13.781.541.000 đồng
- Chi phí thiết bị:	2.736.794.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	494.104.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	1.677.183.000 đồng
- Chi phí khác:	368.725.000 đồng
- Chi phí dự phòng:	3.841.937.000 đồng

10. Tiến độ thực hiện dự án:

- Giai đoạn chuẩn bị dự án: năm 2024;
- Giai đoạn thực hiện dự án: năm 2025-2027;

- Giai đoạn kết thúc dự án: năm 2027;

11. Nguồn vốn đầu tư: 100% vốn ngân sách Trung ương.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: thuê Tư vấn quản lý dự án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện: Chủ đầu tư (Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam) chịu trách nhiệm thực hiện dự án theo đúng các quy định về đầu tư xây dựng cơ bản và nội dung của Quyết định này.

Điều 3. Đại diện Chủ đầu tư (Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam) và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Cục 3-VTC (b/cáo);
- Lưu: TV.

VIỆN TRƯỞNG




TRẦN HOÀI NAM

